

BỘ Y TẾ
TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y HÀ NỘI

Số: 43/QĐ-ĐHYHN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 19 tháng 2 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH
Ban hành Chuẩn đầu ra và Khung chương trình đào tạo
Cử nhân Tâm lý học

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y HÀ NỘI

Căn cứ Nghị Quyết số 06/2021/HĐT-ĐHYHN ngày 05/02/2021 của Hội đồng Trường Đại học Y Hà Nội ban hành Quy chế Tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Y Hà Nội;

Căn cứ Quyết định số 1982/QĐ-TTg ngày 18/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Khung trình độ quốc gia Việt Nam;

Căn cứ Thông tư 17/2021/TT-BGDĐT ngày 22/6/2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy định về chuẩn chương trình đào tạo; xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học;

Căn cứ Quyết định số 5044/QĐ-ĐHYHN ngày 10/11/2021 của Trường Đại học Y Hà Nội ban hành Quy định xây dựng, cập nhật và phát triển chương trình đào tạo của Trường Đại học Y Hà Nội;

Căn cứ Biên bản số 13/BB-HĐKHĐT ngày 31/01/2024 của Hội đồng khoa học đào tạo của Trường Đại học Y Hà Nội thẩm định chuẩn đầu ra và chương trình đào tạo ngành Cử nhân Tâm lý học;

Theo đề nghị của Viện trưởng Viện Đào tạo Y học dự phòng và Y tế công cộng và Trường phòng Quản lý Đào tạo Đại học.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Chuẩn đầu ra và Khung chương trình đào tạo Cử nhân Tâm lý học (có Phụ lục kèm theo)

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành.

Điều 3. Trưởng phòng QLĐTĐH, Trưởng Viện/Khoa/Bộ môn, Trưởng các đơn vị và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Hội đồng trường (để báo cáo);
- Hiệu trưởng (để chỉ đạo);
- Lưu: VT, ĐTĐH, YTCC.

HIỆU TRƯỞNG


Nguyễn Hữu Tú

TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y HÀ NỘI
VIỆN ĐÀO TẠO Y HỌC DỰ PHÒNG VÀ Y TẾ CÔNG CỘNG

CHUẨN ĐẦU RA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO
CỬ NHÂN TÂM LÝ HỌC

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 35/QĐ-ĐHYHN ngày 19 tháng 02 năm 2024)

Hà Nội – 2024

CHUẨN ĐẦU RA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

(Kèm theo Quyết định số 435 /QĐ-ĐHYHN ngày 19 tháng 02 năm 2024 của Trường Đại học Y Hà Nội)

- Tên ngành đào tạo: Tâm lý học
- Mã ngành: 7310401
- Tên chương trình đào tạo: Cử nhân Tâm lý học
- Tên tiếng Anh: Bachelor of Psychology
- Mã chương trình đào tạo: HMU-BPsyc
- Trình độ đào tạo: Đại học
- Hình thức đào tạo: Đào tạo chính quy
- Thời gian đào tạo: 04 năm

1. Mục tiêu đào tạo

1.1. Mục tiêu chung

Đào tạo cử nhân ngành Tâm lý học có phẩm chất đạo đức tốt, có kiến thức và kỹ năng cơ bản về Tâm lý học nói chung và các khoa học cơ sở ngành, liên ngành và các lĩnh vực chuyên ngành nói riêng, trên cơ sở đó, vận dụng vào thực tiễn giúp cá nhân, nhóm cũng như cộng đồng giải quyết những vấn đề tâm lý ở các lứa tuổi, chuyên biệt cho từng lĩnh vực chuyên ngành, có tư duy phản biện, năng lực nghiên cứu khoa học, làm việc nhóm, tham gia đào tạo và tự đào tạo đáp ứng yêu cầu của xã hội và thực hành nghề nghiệp.

1.2. Mục tiêu cụ thể

MT1. Vận dụng được các kiến thức cơ bản về Khoa học xã hội, Y học, Tâm lý học và các lĩnh vực chuyên ngành, các khoa học liên ngành để giải thích các hiện tượng tâm lý.

MT2. Nhận diện, phân tích đánh giá từ đó xây dựng và triển khai các can thiệp tâm lý phù hợp với từng đối tượng và hoàn cảnh cụ thể.

MT3. Thực hiện được các kỹ năng tham vấn, trị liệu cơ bản đối với một số vấn đề tâm lý cho cá nhân và nhóm.

MT4. Tham gia nghiên cứu khoa học trong lĩnh vực tâm lý và sức khỏe.

MT5. Tuân thủ các quy định về đạo đức, pháp luật trong thực hành nghề nghiệp, khả năng làm việc độc lập, giao tiếp, hợp tác nhóm hiệu quả; có ý thức phát triển nghề nghiệp, học tập liên tục để thích ứng với sự phát triển của khoa học công nghệ và hội nhập quốc tế.

2. Chuẩn đầu ra

Sau khi hoàn thành chương trình đào tạo, người học có khả năng:

2.1. Kiến thức

PLO1: Vận dụng được các kiến thức về chính sách, pháp luật của Nhà nước, các quy tắc đạo đức trong thực hành nghề nghiệp

PLO2: Vận dụng các kiến thức về khoa học xã hội, y học cơ sở, nhân học, môi trường để nhận diện, phân tích và giải thích về sự nảy sinh, hình thành và phát triển các hiện tượng tâm lý trong bối cảnh xã hội khác nhau.

PLO3: Áp dụng kiến thức lý thuyết và thực tiễn của Tâm lý học phát triển, Tâm lý học lâm sàng, Tâm lý học tham vấn để giải quyết các vấn đề tâm lý và nâng cao sức khỏe.

PLO4: Vận dụng được các kiến thức về thống kê tin học, các phương pháp nghiên cứu Tâm lý học trong việc thu thập xử lý thông tin và lý giải, phân tích các vấn đề tâm lý nảy sinh trong các lĩnh vực khác nhau của đời sống xã hội.

2.2. Kỹ năng

PLO5: Phân tích các yếu tố môi trường kinh tế, chính trị, văn hóa, xã hội đến các vấn đề tâm lý thường gặp ở cá nhân, nhóm xã hội và cộng đồng.

PLO6: Phát hiện, đánh giá các vấn đề tâm lý cho các cá nhân/nhóm/cộng đồng.

PLO7: Xây dựng và triển khai các chương trình sàng lọc, can thiệp sớm cho các cá nhân, nhóm đối tượng khác nhau.

PLO8: Thực hiện được một số kỹ thuật tham vấn/trị liệu tâm lý cơ bản cho cá nhân, nhóm.

PLO9: Tham gia nghiên cứu khoa học trong lĩnh vực Tâm lý và sức khỏe

PL10: Sử dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số hiệu quả trong thực hành nghề nghiệp.

PLO11: Đáp ứng trình độ ngoại ngữ theo quy định trong Khung trình độ Quốc gia.

2.3. Tự chủ và trách nhiệm

PLO12. Tuân thủ các quy định pháp luật, đạo đức nghề tâm lý trong quá trình thực hiện vai trò, nhiệm vụ của một nhân viên tâm lý chuyên nghiệp.

PLO13. Có khả năng tư duy phản biện, giao tiếp hiệu quả trong các môi trường khác

nhau, kỹ năng làm việc độc lập và chuyên nghiệp, làm việc nhóm hiệu quả.

PLO14. Chủ động học tập suốt đời, tự định hướng và phát triển chuyên môn nghề nghiệp và tham gia các hoạt động đào tạo.

3. Vị trí việc làm sau tốt nghiệp

- Phòng/khoa/tổ Tâm lý lâm sàng tại các bệnh viện tuyến Trung ương, Tỉnh, quận/huyện; các trung tâm chăm sóc sức khỏe tinh thần, trung tâm dưỡng lão, trung tâm nuôi dưỡng giáo dục trẻ có hoàn cảnh đặc biệt và các trường chuyên biệt

- Phòng Tâm lý học đường tại các cơ sở giáo dục.

- Giảng dạy và nghiên cứu tại các trường cao đẳng và đại học, Viện nghiên cứu về Tâm lý học

- Các cơ sở xã hội (Trung tâm tham vấn tâm lý, trung tâm bảo trợ xã hội, cơ sở điều trị nghiện chất...).

- Các tổ chức Phi chính phủ trong nước và quốc tế hoạt động trong lĩnh vực tâm lý và chăm sóc sức khỏe.

- Các tổ chức chính trị - xã hội, các tổ chức xã hội từ thiện như Công đoàn, Đoàn thanh niên, Hội phụ nữ...

- Các gia đình có nhu cầu chăm sóc, giáo dục sớm cho trẻ.

4. Khả năng học tập, nâng cao trình độ

Có khả năng tự học để hoàn thiện, bổ sung, nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ và có khả năng tiếp tục học tập và nghiên cứu chuyên môn ở trình độ Thạc sĩ Tâm lý học, Thạc sĩ Y tế công cộng, Thạc sĩ Tâm lý học lâm sàng trẻ em và vị thành niên, Thạc sĩ Tâm lý học lâm sàng, Thạc sĩ Quản lý giáo dục, Thạc sĩ Tham vấn học đường, Thạc sĩ Công tác xã hội.

5. Các chương trình đào tạo, tài liệu, chuẩn quốc tế đã tham khảo

https://www.sydney.edu.au/handbooks/science/coursework/psychology/learning_outcomes.html

<https://cla.csulb.edu/departments/psychology/student-learning-outcomes/>

HIỆU TRƯỞNG


Nguyễn Hữu Tú

**KHUNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO
CỬ NHÂN TÂM LÝ HỌC**

(Kèm theo Quyết định số 435/QĐ-ĐHYHN ngày 19 tháng 02 năm 2024 của Trường Đại học Y Hà Nội)

TT	Khối lượng học tập	Số tín chỉ			
		Tổng	LT	TH	LS
I	Kiến thức giáo dục đại cương*	24	22	2	0
II	Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp				
1	Kiến thức cơ sở khối ngành	30	23	7	0
2	Kiến thức ngành và chuyên ngành	52	30	11	11
3	Kiến thức tự chọn	10	5	5	0
III	Thực tế và khóa luận tốt nghiệp/chuyên đề lâm sàng	11	6	5	0
	Tổng cộng	127	86	30	11

* Chưa bao gồm các học phần:

- Giáo dục thể chất: 0 tín chỉ LT / 3 tín chỉ TH
- Giáo dục quốc phòng – an ninh: 6,5 tín chỉ LT / 2 tín chỉ TH

1. Kiến thức giáo dục đại cương: 24 tín chỉ (22 LT – 2 TH)

TT	Tên môn học/ học phần	Số tín chỉ			
		Tổng	LT	TH	LS
1.	Triết học Mác - Lênin	3	3	0	0
2.	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2	2	0	0
3.	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	2	0	0
4.	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	2	0	0
5.	Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam	2	2	0	0
6.	Pháp luật đại cương	2	2	0	0
7.	Tin học đại cương	2	1	1	0
8.	Ngoại ngữ	7	7	0	0



9.	Ứng dụng CNTT và chuyển đổi số trong CSSK	2	1	1	0
10.	Giáo dục thể chất 1,2, 3	3*	0*	3*	0
11.	Giáo dục Quốc phòng - An ninh*	8.5*	6*	2.5*	0
Tổng cộng		24	22	2	0

2. Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp

2.1. Kiến thức cơ sở khối ngành: 30 tín chỉ (23 LT – 07 TH – 0 LS)

TT	Tên môn học/ học phần	Phân bố Tín chỉ			
		Tổng	LT	TH	LS
12.	Sinh lý học	2	1.5	0.5	0
13.	Khoa học não bộ và hành vi	2	1.5	0.5	0
14.	Tâm lý học đại cương	3	3	0	0
15.	Đại cương về công tác xã hội	2	2	0	0
16.	Nhân học và xã hội học sức khỏe	2	2	0	0
17.	Cơ sở văn hóa Việt Nam	2	2	0	0
18.	Giới và phát triển	2	2	0	0
19.	Tổ chức, quản lý và chính sách y tế	3	2	1	0
20.	Nghiên cứu khoa học	2	1	1	0
21.	Kỹ năng giao tiếp	2	1	1	0
22.	Dinh dưỡng	2	1.5	0.5	0
23.	Giáo dục và nâng cao sức khỏe	2	1	1	0
24.	Sức khỏe lứa tuổi	2	1.5	0.5	0
25.	Tự chọn: Chọn 1 trong 3 Tâm lý học kinh tế Sức khỏe trường học Thống kê y sinh	2	1	1	0
Tổng cộng		30	23	7	0

8

2.2. Kiến thức ngành và chuyên ngành: 52 tín chỉ (30 LT – 11 TH – 11 LS)

TT	Tên môn học/ học phần	Phân bố Tín chỉ			
		Tổng	LT	TH	LS
26.	Đạo đức Y học và đạo đức nghề tâm lý	3	2	1	0
27.	Tâm lý học nhận thức	2	2	0	0
28.	Tâm lý học nhân cách	2	2	0	0
29.	Tâm lý học xã hội	2	2	0	0
30.	Tâm lý học giáo dục	3	3	0	0
31.	Tâm lý học phát triển	3	2	1	0
32.	Tâm lý học sức khỏe	3	2	1	0
33.	Tâm sinh lý lao động	3	1	1	1
34.	Sức khỏe tâm thần	3	2	1	0
35.	Sức khỏe tâm thần trẻ em và thanh thiếu niên	3	2	1	0
36.	Tâm lý học lâm sàng	2	2	0	0
37.	Tâm lý trị liệu	3	1.5	1.5	0
38.	Đánh giá tâm lý	3	1.5	1.5	0
39.	Tham vấn tâm lý	5	3	2	0
40.	Tâm lý học gia đình	2	2	0	0
41.	Thực hành tham vấn tâm lý	5	0	0	5
42.	Thực hành tâm lý học lâm sàng	5	0	0	5
Tổng cộng		52	30	11	11

2.2 Kiến thức bổ trợ (Tự chọn): 10 tín chỉ (5 LT / 5 TH)

TT	Tên môn học/ học phần	Phân bố Tín chỉ			
		Tổng	LT	TH	LS
43.	Tâm lý học tư pháp	2	1	1	0
44.	Tâm lý học xã hội với người bệnh mãn tính và bệnh hiểm nghèo	2	1	1	0
45.	Phương pháp nghiên cứu định tính	2	1	1	0
46.	Tâm lý học khác biệt	2	1	1	0
47.	Tham vấn tâm lý học đường	2	1	1	0



48.	Một số rối loạn phát triển ở trẻ em	2	1	1	0
49.	Tâm lý học tổ chức	2	2	0	0
50.	Tâm lý học tích cực	2	1	1	0
51.	Tâm lý học giới tính	2	1	1	0
52.	Can thiệp khủng hoảng	2	1	1	0
	Tổng cộng	10	5	5	0

2.3. Tốt nghiệp: 11 tín chỉ (6 LT / 5 TH)

TT	Tên môn học/ học phần	Phân bố Tín chỉ			
		Tổng	LT	TH	LS
53.	Thực tế tốt nghiệp	5	0	5	0
54.	Chuyên đề lâm sàng/Khóa luận tốt nghiệp	6	6	0	0
	Tổng cộng	11	6	5	0

Tổng số tín chỉ tích lũy tối thiểu toàn khóa học: 127 tín chỉ (chưa bao gồm học phần Giáo dục quốc phòng và Giáo dục thể chất theo quy định đối với giáo dục đào tạo trình độ đại học), trong đó: 117 tín chỉ bắt buộc và 10 tín chỉ tự chọn.

HIỆU TRƯỞNG


Nguyễn Hữu Tú

